

Số: 8592/QĐ-CTQNA

Quảng Nam, ngày 03 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế**

**CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính về thuế;*

*Căn cứ kiến nghị tại Biên bản kiểm tra thuế lập ngày 26/10/2020 giữa Trưởng đoàn kiểm tra thuế theo Quyết định số 8079/QĐ-CT ngày 06/10/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Nam và Đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam ;*

*Căn cứ Quyết định số 9928/QĐ-GQXP ngày 25/12/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Nam về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra - Kiểm tra số 3 thuộc Cục Thuế tỉnh Quảng Nam,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp); mã số thuế: 4000386181; địa chỉ: Lô 04 Khu công nghiệp Điện Nam Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Anh Tuấn, giới tính: Nam, chức danh: Giám đốc.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

- Kê khai khấu trừ thuế GTGT của hàng hóa tương ứng đối với công nợ phải trả cho người bán đã nhiều năm, nhưng Doanh nghiệp công ty không cung cấp biên bản đối chiếu công nợ, không cung cấp chứng từ thanh toán công nợ qua ngân hàng, dẫn đến làm giảm thuế GTGT được khấu trừ chuyển kỳ sau, số tiền: 52.826.125 đồng. Doanh nghiệp vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 103 Luật Quản lý thuế

- Kê khai vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập tính thuế TNDN các khoản: chi tiền thuế TNCN, tiền phạt; chi phí không tương ứng với doanh thu; khoản trích dự phòng không đảm bảo quy định Bộ Tài chính; Chưa kê khai khoản thu nhập khác từ công nợ phải trả cho người bán, người bán trả tiền trước nhưng Doanh nghiệp không còn nghĩa vụ phải trả, dẫn đến làm tăng lỗ năm 2017, 2018, 2019, số tiền: 133.171. 240.150 đồng. Doanh nghiệp vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 103 Luật Quản lý thuế



- Kê khai giảm trừ gia cảnh chưa đúng quy định đối với cá nhân có hợp đồng lao động; chưa thực hiện khấu trừ thuế thu nhập cá nhân từ đầu tư vốn đối với khoản chi trả lãi tiền vay của cá nhân dẫn đến kê khai thiếu thuế TNCN, số tiền: 82.163.333 đồng. Doanh nghiệp vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều 103 Luật Quản lý thuế.

- Kê khai chưa đầy đủ mã số thuế của cá nhân trên tờ khai Quyết toán thuế TNCN năm 2019. Doanh nghiệp đã vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 103 Luật Quản lý thuế

\* Những tình tiết liên quan đến vi phạm:

Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp như nêu trên doanh nghiệp ghi chép kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế làm phát sinh nghĩa vụ thuế trên sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ.

3. Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a. Hình thức xử phạt: Phạt tiền.

- Mức phạt 20% tính trên số tiền thuế TNCN khai sai (tiểu mục: 4254), số tiền: 16.432.667 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ.

- Mức phạt: 1.680.000 đồng (tiểu mục 4254) đối với hành vi kê khai chưa đầy đủ mã số thuế của các cá nhân trên tờ khai Quyết toán thuế TNCN năm 2019 theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ.

Mức phạt: 2.100.000 đồng (tiểu mục 4254) đối với hành vi khai sai nhưng không dẫn đến thiếu số thuế GTGT năm 2019 theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ.

Mức phạt: 2.520.000 đồng (tiểu mục 4254) đối với hành vi khai sai nhưng không dẫn đến thiếu số thuế TNDN phải nộp năm 2017, 2018, 2019 theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ.

b. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Truy thu thuế TNCN, số tiền: 82.163.333 đồng đối với hành vi khai sai dẫn đến làm thiếu số thuế TNCN phải nộp theo quy định tại Điều 107 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và khoản 33 Điều 1 Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012.

- Tiền chậm nộp tiền thuế TNCN đối với số tiền thuế kê khai thiếu tạm tính đến ngày 04/11/2020, số tiền: 9.525.326 đồng (tiểu mục 4917) theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính và khoản 3 Điều 3 Luật Quản lý thuế số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016.

Tổng cộng số tiền thuế truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp tiền thuế là: 114.141.325 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu, một trăm bốn một nghìn, ba trăm hai lăm đồng).

Căn cứ thời điểm tính tiền chậm nộp, thời hạn nộp số tiền thuế truy thu, tiền phạt ghi trên quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Cục Thuế, đề nghị doanh nghiệp tiếp tục tự xác định số tiền chậm nộp tính trên số tiền thuế truy thu, tiền phạt theo quy định đến ngày nộp đầy đủ vào NSNN.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Quyết định này được:

1. Giao cho Ông Vũ Anh Tuấn, đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam để chấp hành. Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật. Số tiền thuế truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp quy định tại Điều 1 phải nộp bằng hình thức điện tử vào Tài khoản thu ngân sách số: 7111 tại Kho bạc Nhà nước Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt.

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho các Trưởng Phòng: Thanh tra - Kiểm tra số 3; Kế khai và Kế toán thuế; Quản lý nợ và Cưỡng chế nợ thuế thuộc Cục Thuế tỉnh Quảng Nam để phối hợp thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TKT3 (2bản).

5

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Việt Xuân**

